



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

7. 6.

1160. Disvāna devaṃ paṭipucchi bhikkhu
ucce vimānamhi ciraṭṭhitike,¹
āmuttahaṭṭhābharaṇaṃ² yasassiṃ³
dibbe vimānamhi yathāpi⁴ candimā.
1161. Alaṅkato mālabhārī⁵ suvattho
sukunḍalī kappitakesamassu,
āmuttahaṭṭhābharaṇo yasassi
dibbe vimānamhi yathāpi¹³ candimā.⁶
1162. Dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ⁷
aṭṭhaṭṭhakā sikkhitā sādhurūpā,
dibbā ca kaññā tidasacarā uḷārā
naccanti gāyanti pamodayanti.
1163. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
1164. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1165. Ahaṃ manussesu manussabhūto
saṅgamma rakkhissaṃ paresaṃ dhenuyo,
tato ca āgā samaṇo mamantike⁸
gāvo ca māse agamaṃsu khādituṃ.
1166. Dvayaṃ kiccaṃ ubhayañca kāriyaṃ⁹
iccevaṃ bhante tadā vicintayaṃ,¹⁰
tato ca saññaṃ paṭiladdha yoniso
dadāmi¹¹ bhanteti khipiṃ anantaṃ.
1167. So māsakhettaṃ turito avāsariṃ
purā ayaṃ¹² bhañjati¹³ yassidaṃ dhaṇaṃ,
tato ca kaṇho urago mahāviso
adaṃsi pāde turitassa me sato.

¹ ciraṭṭhitike - PTS.

² āmuttahaṭṭhābharaṇo - Syā, PTS.

³ yassasi - Syā, PTS.

⁴ yathāsi - PTS.

⁵ malyadharo - Ma, PTS.

⁶ Ayaṃ gāthā Syā potthake na dissate.

⁷ vaggū - PTS.

⁸ samaṇo mama santike - Syā.

⁹ kāriyaṃ - Syā.

¹⁰ vicintayaṃ - Syā.

¹¹ adāsi - Syā.

¹² purāyaṃ - Syā.

¹³ bhañjati - Sīmu.

7. 6.

1160. Sau khi nhìn thấy vị Thiên nhân có đồ trang sức ở bàn tay đã được trau chuốt, có danh tiếng, ở tòa lâu đài cao ráo, có sự tồn tại lâu dài, cũng giống như mặt trăng ở Thiên cung thuộc cõi Trời, vị tỳ khưu đã hỏi rằng:

1161. “Người đã được trang điểm, có mang vòng hoa, có y phục xinh đẹp, có bông tai khéo, có tóc râu đã được sửa soạn, có đồ trang sức ở bàn tay đã được trau chuốt, có danh tiếng, giống như mặt trăng ở Thiên cung thuộc cõi Trời.

1162. Các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, và tám lần tám các cô thiếu nữ thuộc cõi Trời, sống ở cõi Ba Mươi, cao sang, đã được học tập, có dáng vóc nghiêm trang, nhảy múa, ca hát, làm trò tiêu khiển.

1163. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1164. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1165. “Tôi, khi là con người ở cõi nhân loại, đã gom lại các con bò cái của những người khác rồi canh giữ. Và sau đó, có vị Sa-môn đã đi đến gần tôi. Và các con bò đã đi đến để ăn những cây đậu.

1166. ‘Hôm nay, có hai phận sự, và cả hai đều cần phải làm.’ Thưa ngài, khi ấy tôi đã suy nghĩ y như thế; kể đó, sau khi đã đạt được ý nghĩ đúng đắn, tôi đã đặt mảnh giẻ (gói miếng bánh, nói rằng): ‘Thưa ngài, tôi xin dâng.’

1167. Tôi đây đã vội vã đi xuống ruộng đậu trước khi con bò này làm hư hại tài sản này của người nào đó. Và kể đó, có con rắn màu đen có nọc độc dữ tợn đã cắn ở bàn chân của tôi trong khi tôi đang vội vã.

1168. Svāhaṃ aṭṭomhi dukkhena pīḷito
bhikkhu ca taṃ sāmaṃ muñcivā nantakaṃ,¹
ahāsi² kummāsaṃ mamānukampayā³
tato cuto kālakatomhi devatā.
1169. Tadeva kammaṃ kusalaṃ kataṃ mayā
sukhañca kammaṃ anubhomi attanā,
tayā hi bhante anukampito bhusaṃ
kataññutāya abhivādayāmi taṃ.
1170. Sadevake loke samāraḷe ca
añño muni⁴ natthi tayānukampako,
tayā hi bhante anukampito bhusaṃ
kataññutāya abhivādayāmi taṃ.
1171. Imasmiṃ loke parasmīṃ vā pana
añño muni⁵ natthi tayānukampako,
tayā hi bhante anukampito bhusaṃ
kataññutāya abhivādayāmi taṃ ”ti.

Gopālavimānaṃ.

¹ bhikkhu ca taṃ sāmaṃ muñcivānantakaṃ - Ma;
bhikkhu ca taṃ muñcivā anantakaṃ - Syā.

² adāsi - Syā.

³ mamānukampāya - Syā; manānukampiyā - katthaci.

⁴ muni - Ma, Syā, PTS.

⁵ muni - Syā, PTS.

1168. Tôi đây bị đau đớn, bị hành hạ bởi khổ đau. Và vị tỳ khuru sau khi tự thân mở ra mảnh giẻ (gói miếng bánh) ấy, đã nuốt vào miếng bánh kem, vì lòng thương tưởng đối với tôi. Từ nơi ấy, tôi đã chết, đã từ trần, và trở thành Thiên nhân.

1169. Chính hành động thiện ấy đã được tôi tạo ra, và tôi thọ hưởng nghiệp an lạc tự chính mình. Thưa ngài, bởi vì tôi đã được ngài thương tưởng thật nhiều, tôi xin đánh lễ (ngài) với lòng tri ân.

1170. Ở thế gian luôn cả chư Thiên và luôn cả Ma Vương, không có vị hiền trí nào khác là người có lòng thương tưởng hơn ngài. Thưa ngài, bởi vì tôi đã được ngài thương tưởng thật nhiều, tôi xin đánh lễ (ngài) với lòng tri ân.

1171. Ở thế gian này hay là ở đời kế tiếp đi nữa, không có vị hiền trí nào khác là người có lòng thương tưởng hơn ngài. Thưa ngài, bởi vì tôi đã được ngài thương tưởng thật nhiều, tôi xin đánh lễ (ngài) với lòng tri ân.”

Thiên Cung của Người Chăn Bò.